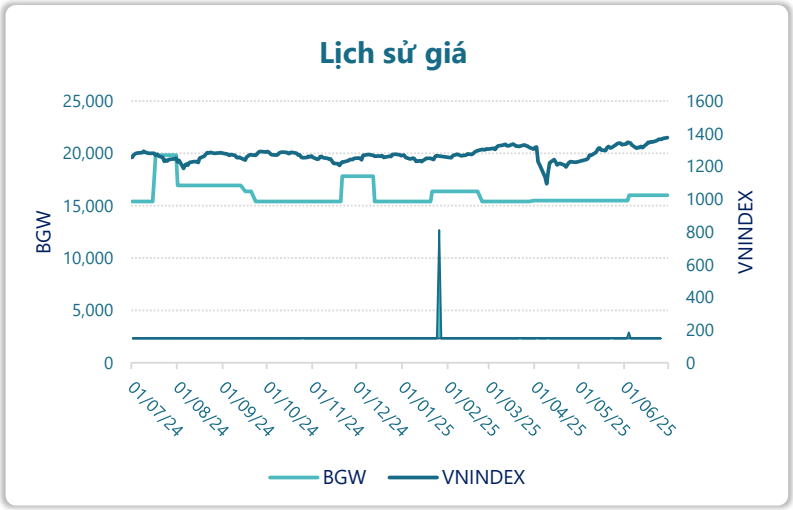
FireAnt

CTCP Nước sạch Bắc Giang (UPCOM: BGW)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,832
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,404
SL cổ phiếu LH	18,149,446
KLGD BQ 20 phiên (CP)	250
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	290
P/E	20.6
EPS	778

DT thuần

Q2/25

50.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.50| 9.8%

YoY: ▲ 4.20| 9.1%

LN sau thuế

Q2/25

4.98

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.95| 145%

YoY: ▲ 2.16| 76.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

12.4%

+/- YoY: ▲ 4.7%

DT thuần

6T 2025

95.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.9| 12.9%

LN sau thuế

6T 2025

7.01

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.64| 60.3%

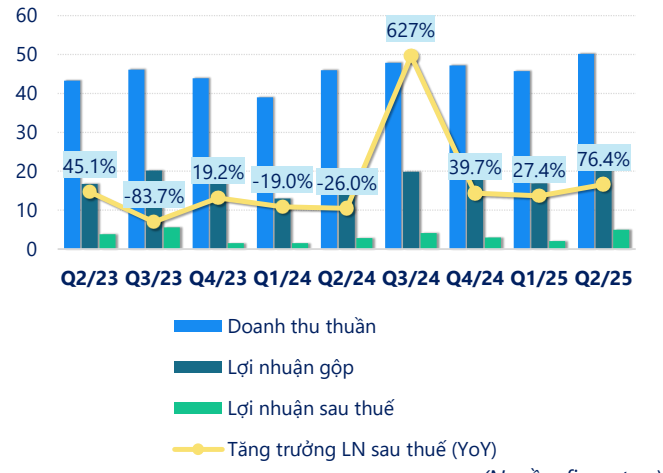
ROE

Q2/25

7.5%

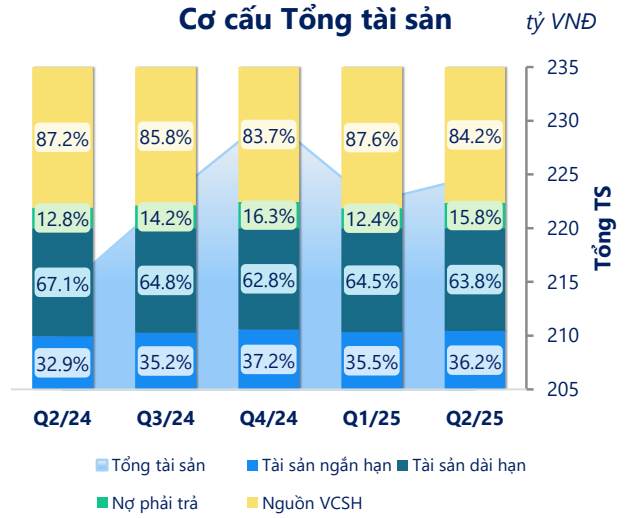
+/- YoY: ▲ 1.4%

Kết quả kinh doanh



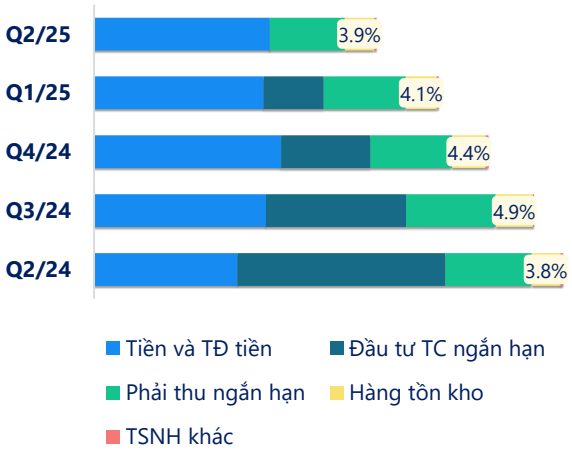
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



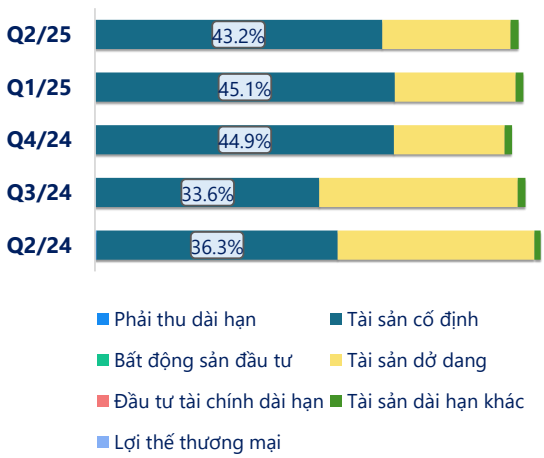
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



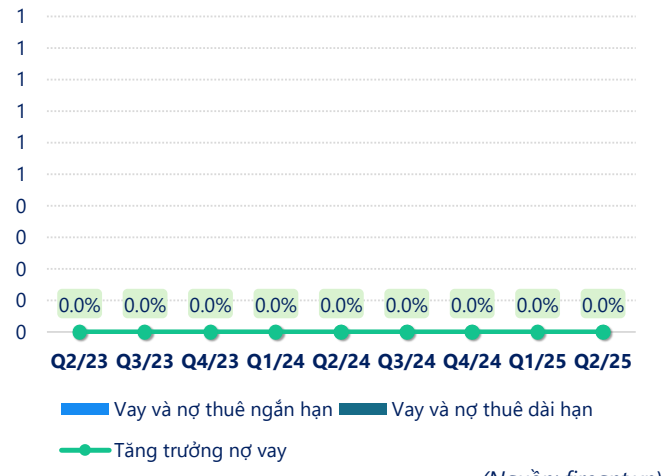
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



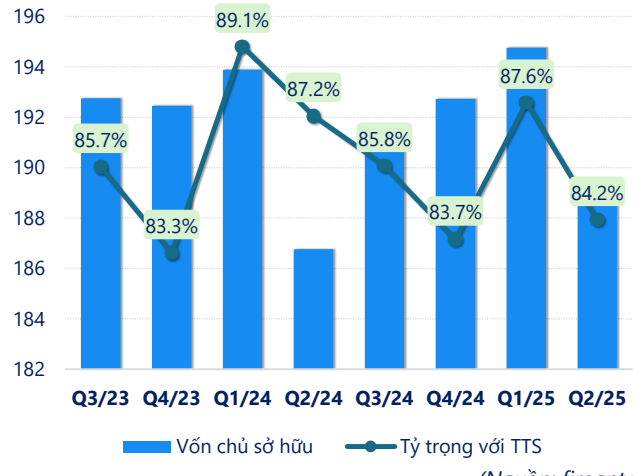
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



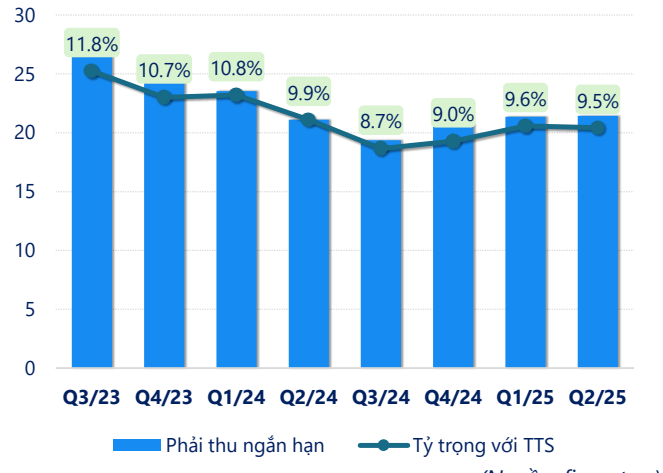
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



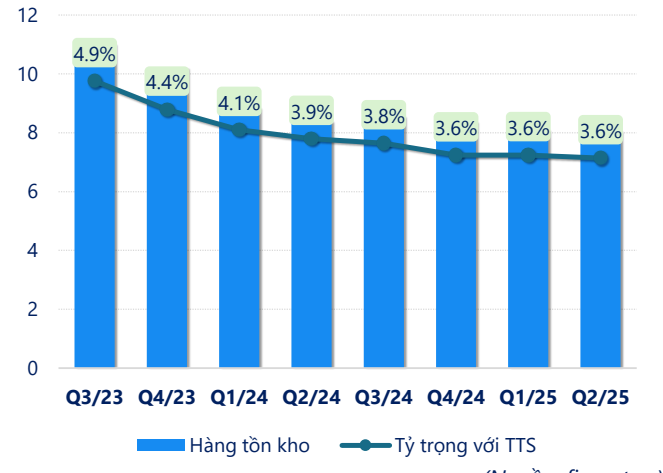
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



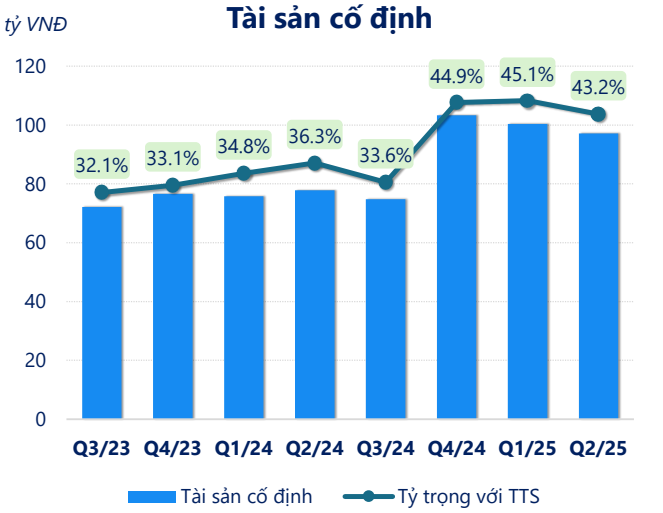
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



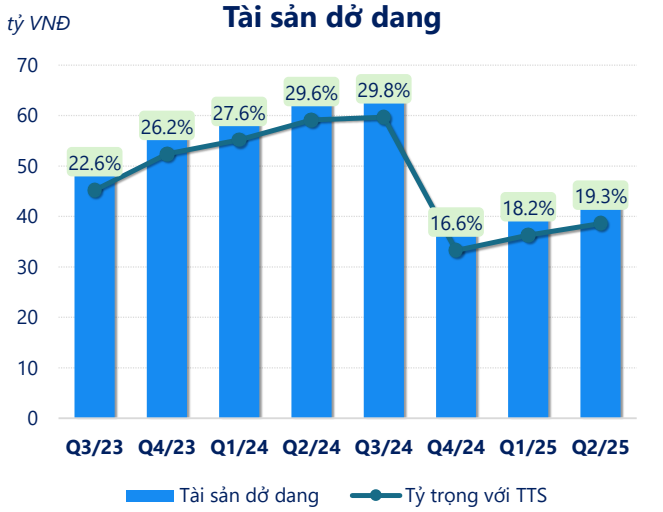
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



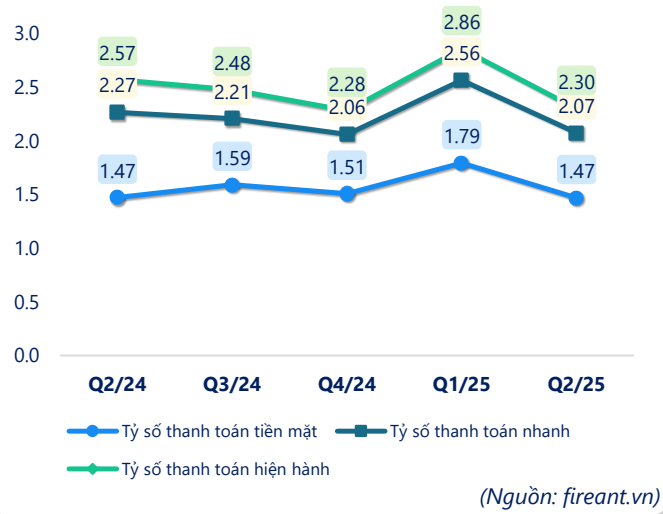
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



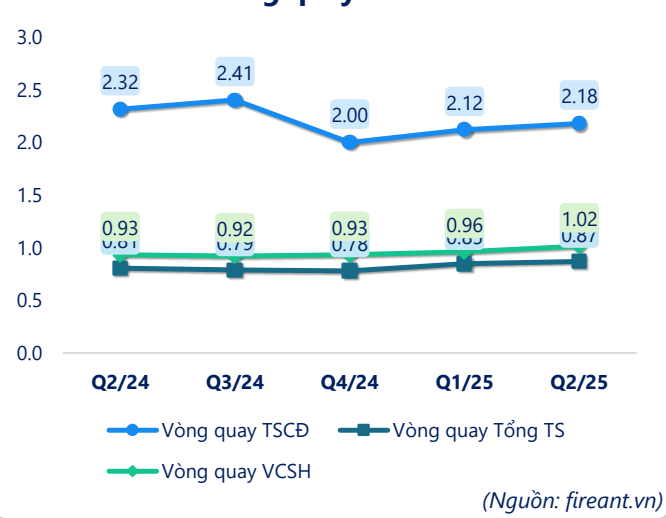
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**214**	**223**	**230**	**222**	**225**
Tài sản ngắn hạn	**70.5**	**78.4**	**85.7**	**79.0**	**81.5**
Tiền và tương đương tiền	40.4	50.4	56.7	49.6	52.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	21.1	19.4	20.7	21.4	21.4
Hàng tồn kho	8.35	8.51	8.33	8.06	8.02
Tài sản ngắn hạn khác	0.70	0.13	0	0	0
Tài sản dài hạn	**144**	**144**	**145**	**143**	**143**
Phải thu dài hạn	0.49	0.39	0.29	0	0
Tài sản cố định	77.8	74.7	103	100	97.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	63.3	66.4	38.3	40.4	43.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.08	2.64	2.67	2.65	2.80
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**27.5**	**31.7**	**37.6**	**27.7**	**35.4**
Nợ ngắn hạn	**27.5**	**31.7**	**37.6**	**27.7**	**35.4**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	1.48	0.34	0.63	0.26	2.02
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**187**	**191**	**193**	**195**	**189**
Vốn chủ sở hữu	**187**	**191**	**193**	**195**	**189**
Vốn điều lệ	181	181	181	181	181
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)